

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 399/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Bà Nguyễn Kim Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ (Mỹ) N, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Nguyễn Quốc S kết hôn ngày 30/01/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh S nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/6/2017, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc S: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tham dự phiên tòa nhưng anh S không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S về các nội dung khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Nguyễn Quốc S xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị N xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh S nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về phía anh S, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh S không có mặt, điều này cho thấy anh S không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị N.

Do chị N và anh S đã sống ly thân, không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị N và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N và anh S ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/6/2017, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy. Xét thấy, từ khi chị N và anh S sống ly thân đến nay, cháu Vy do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; hơn nữa cháu Vy cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Vy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Vy cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng cho cháu Vy.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh S về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh S về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ N và anh Nguyễn Quốc S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 24/6/2017 cho chị Trần Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quốc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy mà không ai được cản trở; anh S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Vy được sống chung với chị N; anh S không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 06/8/2024 chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005438 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N và bị đơn anh Nguyễn Quốc S có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà